TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** **TỈNH P** -------- Bản án số: 09/2020/HS-ST Ngày: 28 – 4 - 2020	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đoàn Hồng Canh
2. Ông Đỗ Minh Thân

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Tấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh P

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thuỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2020theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Mạnh H,

Sinh ngày 28/5/1992 tại huyện TT, tỉnh P; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: khu 17, xã Đ, huyện TT, tỉnh P; Quốc tịch: Việt Nam ; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: không;Trình độ học vấn: 11/12; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Trần Ngọc Q và bà Nguyễn Thị T1; Vợ: Nguyễn Thị L; Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự : không;Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P.

2. **Trần Trung Tuyến;**

Sinh ngày 26/10/1979 tại huyện TT, tỉnh P; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: khu 1, xã Đ1, huyện TT, tỉnh P; Quốc tịch: Việt Nam ; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: không;Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Đình C và bà Nguyễn Thị H2; Vợ: Nguyễn Mai P1; Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự : không;

Nhân thân :+ Bản án số 143/2000/HSST ngày 21/12/2000 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố H Nội xử phạt Trần Trung T 09 tháng tù về tội « *Trộm cắp tài sản* ». Buộc bị cáo phải bồi thường 700.000đ cho anh Nguyễn Văn Tiến. Bị cáo phải chịu 50.000đ tiền án phí hình sự và 50.000đ án phí dân sự. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và được ra trại ngày 26/7/2001. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ phần án phí vào ngày

22/3/2001 và một phần khoản bồi thường cho bị hại là 425.000đ vào ngày 19/3/2001, phần nghĩa vụ còn lại là 275.000đ, qua xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố H Nội, người bị hại (người được ủy quyền) không có đơn yêu cầu thi hành án án.

+ Bản án số 04/2002/HSST ngày 09/01/2002 của Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, tỉnh H Tây xử phạt Trần Trung T 12 tháng tù về tội « *Trộm cắp tài sản* ». Bị cáo phải chịu 50.000đ tiền án phí hình sự. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và được ra trại ngày 11/11/2002. Bị cáo đã thi hành xong án phí vào tháng 4/2004.

+ Bản án số 95/2003/HSST ngày 12/6/2003 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố H Nội xử phạt Trần Trung T 40 tháng tù về tội « *Trộm cắp tài sản* ». Buộc bị cáo phải bồi thường 8.320.000đ cho chị Nguyễn Thị Hòa. Bị cáo phải chịu 50.000đ tiền án phí hình sự và 416.000đ án phí dân sự. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và được ra trại ngày 30/01/2006. Về phần án phí bị cáo đã thi hành xong ngày 27/7/2009. Đối với phần bồi thường, qua xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố H Nội, người bị hại không có đơn yêu cầu nên không có căn cứ thi hành án .

+ Bản án số 26/2008/HSST ngày 24/4/2008 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Trần Trung T 48 tháng tù về tội « *Trộm cắp tài sản* ». Bị cáo phải chịu 50.000đ tiền án phí hình sự. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và được ra trại ngày 17/01/2012. Bị cáo đã thi hành xong phần án phí vào ngày 25/8/2008.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/10/2019 đến ngày 17/10/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Đ1, huyện TT, tỉnh P.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:***

Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1993; Địa chỉ: Khu 1, xã Hoàng Xá, huyện TT, tỉnh P (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12h50 phút ngày 09/10/2019, tại cổng khu Resort Thanh Lâm thuộc khu 1, thị trấn TT, huyện TT, tổ công tác Công an huyện TT phối hợp với Công an thị trấn TT kiểm tra, phát hiện Trần Mạnh H sinh năm 1992, trú tại: khu 17, xã Đ, huyện TT đang có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Phạm Thị H1, sinh năm 1993, trú tại: khu 1, xã Hoàng Xá, huyện TT. Tổ công tác đã mời người chứng kiến tiến hành kiểm tra đối với Hà, quá trình kiểm tra H tự nguyện giao nộp cho cơ quan công an 01 túi nilon màu trắng bên trong có 02 viên nén không rõ hình màu xanh và 01 túi nilon màu trắng có khuy bấm viền màu xanh, bên trong túi nilon có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng, H khai nhận đây là ma túy ketamine và ma túy thuốc lắc của H mục đích mang đến bán cho Phạm Thị H1. Tiến hành kiểm tra xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA BKS 29A- 115.32 của Trần Mạnh H, tạm giữ: tiền Việt Nam 5.000.000đ, 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Mạnh H. 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn Mậu, 01 điện thoại di động nhãn hiệu G6, màu xám, gắn thẻ sim có số thuê bao 0383209116 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 6500C màu đen gắn thẻ sim có số thuê bao 0343508663. Tạm giữ của Phạm Thị H1: 01 điện thoại di động

nhãn hiệu IPHONE 5 màu đen gắn thẻ sim có số thuê bao 033009669. Tổ công tác đã cho 01 túi nilon màu trắng bên trong có 02 viên nén không rõ hình màu xanh và 01 túi nilon màu trắng có khuy bấm viền màu xanh, chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng vào 01 chiếc phong bì dán kín có các thành phần liên quan ký xác nhận đồng thời đưa người chứng kiến, người liên quan, vật chứng thu thu giữ về Công an thị trấn TT, huyện TT để lập biên bản và niêm phong vật chứng theo quy định.

Làm việc với cơ quan điều tra, Trần Mạnh H khai bản thân làm nghề lái xe dịch vụ nên quen biết với Phạm Thị H1. Biết H1 có sử dụng ma túy ketamine và thuốc lắc, H trao đổi với H1 nếu có nhu cầu mua ma túy thì liên hệ qua điện thoại với Hà. Với cách thức nêu trên, H đã bán ma túy cho Phạm Thị H1 tổng số 02 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: khoảng 18h ngày 08/10/2019, khi H đang chờ khách tại khu du lịch DNX, thị trấn TT thì H1 sử dụng số điện thoại 033009669 gọi đến số điện thoại 0343508663 của H để hỏi mua ½ chỉ ma túy ketamine và 04 viên ma túy thuốc lắc, H đồng ý bán ma túy và hai bên thống nhất giá của ½ chỉ ma túy ketamine và 04 viên ma túy thuốc lắc là 4.100.000đ (3.800.000đ tiền ma túy và 300.000đ tiền cước xe). H1 đề nghị H đến cổng khu du lịch Thanh Lâm để H1 đưa tiền trước. Sau đó, H điều khiển xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA BKS 29A- 115.32 của mình đến chỗ hẹn để gặp H1 và lấy số tiền 4.100.000đ. Sau khi nhận tiền của H1, H gọi vào điện thoại 0788026058 của Trần Trung T, sinh năm 1979, trú tại: khu 1, xã Đ1, huyện TT (là bạn quen biết) với mục đích hỏi mua ma túy. Khi nói chuyện qua điện thoại với T, H hỏi mua ½ chỉ ma túy ketamine và 04 viên ma túy thuốc lắc, T đồng ý, hai bên thỏa thuận giá mua bán số ma túy nêu trên là 3.020.000đ, T hẹn H xuống nhà mình tại khu 1, xã Đ1, huyện TT để bán ma túy. Tại đây, H đã mua được của T ½ chỉ ma túy ketamine và 04 viên ma túy thuốc lắc, H trả cho T số tiền 3.020.000đ. Sau khi mua của T, H lái xe đến cổng khu Resort Thanh Lâm để bán ma túy cho Huyền. Số ma túy mua được của Hà, H1 sử dụng một mình hết. Số tiền có được do bán ma túy cho H1, H đã chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ hai: khoảng 09h ngày 09/10/2019, H1 sử dụng số điện thoại 033009669 gọi đến số điện thoại 0343508663 của H để hỏi mua 01 chỉ ma túy ketamine và 02 viên ma túy thuốc lắc, H đồng ý bán ma túy và hai bên thỏa thuận giá của số ma túy trên là 5.200.000đ (5.000.000đ tiền ma túy và 200.000đ tiền cước xe). H1 đề nghị H đến cổng khu du lịch Thanh Lâm để H1 đưa tiền trước. Tại đây, H gặp và nhận của H1 số tiền 5.200.000đ. Sau khi nhận tiền của H1, H gọi vào điện thoại 0788026058 của Trần Trung T để hỏi mua 01 chỉ ma túy ketamine và 02 viên ma túy thuốc lắc, T đồng ý bán ma túy, hai bên thỏa thuận giá mua bán số ma túy trên là 3.750.000đ, T hẹn H xuống nhà mình tại khu 1, xã Đ1, huyện TT để bán ma túy. Tại đây, H đã gặp và mua được của T 01 chỉ ma túy ketamine được gói trong 01 túi nilon màu trắng có khuy bấm viền màu xanh và 02 viên ma túy thuốc lắc gói trong túi nilon màu trắng. H trả cho T số tiền 3.750.000đ.(Ba triệu bảy trăm năm mười nghìn đồng). Khoảng 12h50 cùng ngày sau khi mua được ma túy của T, H lái xe đến cổng khu Resort Thanh Lâm để bán ma túy cho H1, khi H1 đang gặp H để mua ma túy thì bị cơ quan công an phát hiện, kiểm tra như đã nêu trên. Số tiền 3.750.000đ có được do bán ma túy cho Hà, T đã chi tiêu cá nhân hết.

Căn cứ lời khai của Trần Mạnh H, cùng ngày cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã thi hành Lệnh khám xét chỗ ở đối với H tại khu 17, xã Đ, huyện TT và nơi ở của Trần Trung T tại khu 1, xã Đ1, huyện TT. Qúa trình khám xét tại nơi ở của Trần Mạnh H không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Qúa trình khám xét chỗ ở của Trần Trung T, đã tạm giữ: tại phía sau chiếc gương treo trên tường tại phòng khách có 01 hộp kim loại màu xanh- đen bên trong có 01 túi nilon màu trắng có khuy bấm viền màu đỏ có chứa 18 viên nén màu xanh không rõ hình và 09 túi nilon màu trắng có khuy bấm viền màu xanh bên trong đều chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng. Qúa trình thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Trung T đã tạm giữ: 01 điện thoại nhãn hiệu ELARI màu đen, gắn thẻ sim có số thuê bao 0788026058; 01 ví giả da màu đen và tiền Việt Nam 754.000đ.

Để có căn cứ giải quyết vụ việc, ngày 10/10/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra điều tra Công an huyện TT đã có Quyết định trưng cầu giám định số chất nghi là ma túy đã thu giữ của Trần Mạnh H và Trần Trung T.

Tại bản kết luận giám định số 1219 ngày 13/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P kết luận:

Mẫu chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong bì niêm phong vật chứng thu giữ của Trần Mạnh H gửi đến giám định là ma túy có khối lượng 0,290 gam, loại ketamine.

Mẫu 02 viên nén màu xanh không rõ hình trong bì niêm phong vật chứng thu giữ của Trần Mạnh H gửi đến giám định là ma túy có khối lượng 0,360 gam, loại MDMA.

Mẫu chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong bì niêm phong vật chứng thu giữ khi khám xét nhà ở của Trần Trung T gửi đến giám định là ma túy có khối lượng 2,018 gam, loại ketamine.

Mẫu 18 viên nén màu xanh không rõ hình trong bì niêm phong vật chứng thu giữ khi khám xét nhà ở của Trần Trung T gửi đến giám định là ma túy có khối lượng 1,880gam, loại MDMA.

*Ketamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, số thứ tự 35, nghị định 73/2018/NĐ- CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

* MDMA là chất ma túy nằm trong danh mục I, số thứ tự 27, nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Hoàn trả lại đối tượng giám định:

Bì số 01: 0,137 gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng và 0,217 gam dạng viên nén màu xanh (bì vật chứng thu giữ của Trần Mạnh H) cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định được niêm phong, dán kín trong bì giấy có đóng 05 hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh P và chữ ký của các thành phần liên quan tại các vị trí mép dán.

Bì số 02: 1,629 gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng và 1,584 gam dạng viên nén màu xanh (bì vật chứng thu giữ khi khám xét nhà ở của Trần Trung T) cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định được niêm phong, dán kín trong bì giấy có đóng 05 hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh P và chữ ký của các thành phần liên quan tại các vị trí mép dán.

Về nguồn gốc số ma túy T đã bán cho Trần Mạnh H và số ma túy bị thu giữ khi khám xét khẩn cấp, T khai nhận: Do bản thân biết khu vực bến xe Nước Ngầm thuộc quận

Hoàng Mai, thành phố H Nội có một số đối tượng bán ma túy. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 08/10/2019, T bắt xe khách đến khu vực trên để tìm mua ma túy. Tại đây, T vào một quán nước ven đường thì gặp và nói chuyện với một người đàn ông làm nghề xe ôm, T không biết họ tên, địa chỉ cụ thể của người này. Trong khi nói chuyện, T biết người này có thể mua được ma túy nên T đề nghị người này đi mua cho T 6.000.000 đồng tiền ma túy ketamine và 4.000.000 đồng tiền ma túy thuốc lắc. Nếu mua được ma túy, T sẽ trả 500.000 đồng tiền công. Người đàn ông trên đồng ý mua ma túy hộ T, T đưa cho anh ta 5.000.000 đồng để đi mua ma túy, số tiền còn lại hai bên thống nhất khi nào mua được ma túy, T sẽ trả nốt. Người này cầm tiền T đưa rồi đi tìm mua ma túy. Khoảng 20 phút sau, người này quay lại đưa cho T 01 túi nilon màu đen bên trong có 01 túi nilon màu trắng có khuy bấm viền màu đỏ, có chứa 20 viên nén màu xanh không rõ hình là ma túy thuốc lắc và 01 túi nilon màu trắng đều chưa chất rắn dạng tinh thể màu trắng là ma túy ketamine. T nhận số ma túy trên rồi trả số tiền còn lại là 5.500.000 đồng cho người này sau đó mang số ma túy mua được về nhà tại khu 1, xã Đ1, huyện TT, tỉnh P. Tại đây, T chia túi nilon có chứa ketamine thành 10 túi nilon màu trắng có khuy bấm viền màu xanh. Sau khi chia xong, T cất túi nilon chứa 20 viên ma túy thuốc lắc và 10 túi nilon chứa ma túy ketamine vào một hộp kim loại màu xanh- đen rồi cất giấu phía sau gương treo tường ở phòng khách nhà T với mục đích có người hỏi mua sẽ bán. Về số ma túy trên, T đã bán cho Trần Mạnh H 01 túi ma túy ketamine và 02 viên thuốc lắc vào ngày 09/10/2019, còn lại 18 viên thuốc lắc và 09 túi ma túy ketamine, bị cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét khẩn cấp.

Bản cáo trạng số 16/CT-VKSTT ngày 16/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P truy tố bị cáo Trần Mạnh Hvề tội: *Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Trung Tuyếnvề tội: *Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự

Tại phiên toà Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TT vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ: Điểm b Khoản 2 Điều 251, điểm s, r khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Mạnh H;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 251, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Trung Tuyến;

Tuyên bố các bị cáo Trần Mạnh H và Trần Trung T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý"

. Xử phạt bị cáo H từ 05 năm đến 05 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2019.

Xử phạt bị cáoTuyến từ 15 tháng đến 18 tháng tù, trừ thời gian bị cáo tạm giữ là 08 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án;

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật về xử lý vật chứng và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Kiểm sát viên, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án là phù hợp.

2. Về nội dung:

[1] Tại phiên toà các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai tại phiên toà đều thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với vật chứng đã thu giữ, bản kết luận giám định cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Trần Mạnh H làm nghề lái xe dịch vụ nên quen biết với Phạm Thị H1, sinh năm 1993, trú tại: khu 1, xã Hoàng Xá, huyện TT. Biết H1 có nhu cầu sử dụng ma túy ketamine và thuốc lắc, H đã trao đổi với H1 qua điện thoại để bán ma túy cho H1 tổng số 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: khoảng 18h ngày 08/10/2019, H1 sử dụng số điện thoại 033009669 gọi đến số điện thoại 0343508663 của H để hỏi mua ½ chỉ ma túy ketamine và 04 viên ma túy thuốc lắc, H đồng ý bán ma túy và hai bên thống nhất giá của ½ chỉ ma túy ketamine và 04 viên ma túy thuốc lắc là 4.100.000đ (3.800.000đ tiền ma túy và 300.000đ tiền cước xe). Sau khi trao đổi cách thức mua, bán với H1, H điều khiển xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA BKS 29A- 115.32 của mình đến chỗ hẹn là cổng khu du lịch Thanh Lâm để nhận trước số tiền 4.100.000đ. từ Huyền. Sau đó H gọi vào điện thoại số 0788026058 của bị cáo Trần Trung T, (là bạn quen biết của H từ trước) với mục đích hỏi mua ma túy. Sau khi nói chuyện qua điện thoại với T, hai bên thỏa thuận H mua ½ chỉ ma túy ketamine và 04 viên ma túy thuốc lắc, với giá 3.020.000đ, ngay sau đó H xuống đưa tiền cho T và nhận thuốc tại nhà của T ở khu 1, xã Đ1, huyện TT. Sau khi mua được ma túy từ Tuyến, H lái xe đến cổng khu Resort Thanh Lâm để bán ma túy cho Huyền. Số ma túy mua được của Hà, H1 sử dụng một mình hết.

Lần thứ hai: khoảng 09h ngày 09/10/2019, H1 sử dụng số điện thoại 033009669 gọi đến số điện thoại 0343508663 của H để hỏi mua 01 chỉ ma túy ketamine và 02 viên ma túy thuốc lắc, H đồng ý bán ma túy và hai bên thỏa thuận giá của số ma túy trên là 5.200.000đ (5.000.000đ tiền ma túy và 200.000đ tiền cước xe). Vẫn cách thức như lần trước, H đến cổng khu du lịch Thanh Lâm để nhận trước của H1 số tiền 5.200.000đ. Sau khi nhận tiền của H1, H gọi vào điện thoại 0788026058 của bị cáo T để hỏi mua và thỏa thuận 01 chỉ ma túy ketamine và 02 viên ma túy thuốc lắc, với giá là 3.750.000đ, bị cáo H đến nhà của T tại khu 1, xã Đ1, huyện TT để đưa tiền và nhận ma túy. 01 chỉ ma túy ketamine được T gói trong 01 túi nilon màu trắng có khuy bấm viền màu xanh và 02 viên ma túy thuốc lắc gói trong túi nilon màu trắng. Khoảng 12h50 cùng ngày sau khi mua được ma túy của T, H lái xe đến cổng khu Resort Thanh Lâm để bán ma túy cho H1, khi H1 đang gặp H để nhận ma túy như đã thỏa thuận thì bị cơ quan công an phát hiện, kiểm tra bắt giữ.

Như vậy, cả 02 lần bán ma túy cho Huyền được tổng số tiền là: 8.800.000đ (Tám triệu tám trăm nghìn đồng), bị cáo Hà đã chi tiêu cá nhân hết.

Về nguồn gốc ma túy mà bị cáo Tuyến bán cho Hà, bị cáo T khai nhận: Do bản thân biết khu vực bến xe Nước Ngầm thuộc quận Hoàng Mai, thành phố H Nội có một số đối tượng bán ma túy. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 08/10/2019, T bắt xe khách đến khu vực trên để tìm mua ma túy. Tại đây, T gặp và mua ma túy của một người đàn ông làm nghề xe ôm, T không biết họ tên, địa chỉ cụ thể của người này. T mua 6.000.000 đồng tiền ma túy ketamine và 4.000.000 đồng tiền ma túy thuốc lắc. Và trả 500.000 đồng tiền công cho người này. Người đàn đưa cho T 01 túi nilon màu đen bên trong có 01 túi nilon màu trắng có khuy bấm viền màu đỏ, có chứa 20 viên nén màu xanh không rõ hình là ma túy thuốc lắc và 01 túi nilon màu trắng đều chưa chất rắn dạng tinh thể màu trắng là ma túy ketamine. T nhận số ma túy sau đó mang số ma túy mua được về nhà tại khu 1, xã Đ1, huyện TT, tỉnh P. Tại đây, T chia túi nilon có chứa ketamine thành 10 túi nilon màu trắng có khuy bấm viền màu xanh. Sau khi chia xong, T cất túi nilon chứa 20 viên ma túy thuốc lắc và 10 túi nilon chứa ma túy ketamine vào một hộp kim loại màu xanh- đen rồi cất giấu phía sau gương treo tường ở phòng khách nhà T với nhằm mục đích bán trái phép cho người khác để kiếm lời. Về số ma túy trên, T đã bán cho Trần Mạnh H 01 túi ma túy ketamine và 02 viên thuốc lắc vào ngày 09/10/2019, với số tiền là 3.750.000đ còn lại 18 viên thuốc lắc và 09 túi ma túy ketamine bị cáo đang cất giữ tại nhà thì bị cơ quan điều tra công an huyện TT thu giữ khi khám xét khẩn cấp.

Về việc bị cáo H khai T bán ma túy cho mình vào ngày 08/10/2019, cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa bị cáo H với bị cáo T, tuy nhiên T không thừa nhận. Ngoài lời khai của bị cáo H thì không còn căn cứ khác để chứng minh nên cơ quan điều tra không đủ căn cứ xử lý lần bán ma túy ngày 08/10/2019 đối với T. Mặc dù bị cáo T không thừa nhận việc bán ma túy cho bị cáo H vào ngày 08/10/2019 nhưng bị cáo H vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi bán trái phép ma túy cho Phạm Thị H1 vào ngày 08/101/2019 như đã nêu trên.

Như vậy, bị cáo T đã thực hiện hành vi bán trái phép ma túy cho bị cáo H 01 lần với 0,290 gam ketamine và 0,369 gam MDMA thu được số tiền 3.750.000đ. Đồng thời, T còn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tàng trữ nhằm để bán 2,018 gam ketamine và 1,880 gam MDMA *(tổng khối lượng ma túy đã bán và tàng trữ có cùng nguồn gốc là 4,548 gam)*. Hành vi của bị cáo T đã cấu thành tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS.Khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù.

Hành vi của bị cáo H đã cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Ma túy là nguồn gốc rễ phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Việc mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người, ảnh hưởng đến việc duy trì trật tự trị an trên địa bàn, gây nên sự bất bình lo lắng trong quần chúng nhân dân. Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng. Do vậy

cần phải xử phạt nghiêm đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Trước khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:Tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Đối với bị cáo Hà có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo đã tự giác khai nhận ngoài hành vi bán trái phép ma túy cho Phạm Thị H1 vào ngày 09/10/2019, H còn khai nhận thêm hành vi bán ma túy trái phép cho H1 vào ngày 08/10/2019, đây là tình tiết tự thú khai nhận hành vi phạm tội. Đối với bị cáo T được Công an phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì có công văn đề nghị giảm nhẹ hình phạt do T đã phát hiện, cung cấp thông tin để giúp cơ quan công an phát hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy trên địa bàn xã Kim Đức, thành phố Việt Trì. Do vậy, bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo T là người có nhân thân xấu, đã bị xét xử 04 lần về tội trộm cắp tài sản. Tại Bản án số 143/2000/HSST ngày 21/12/2000 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố H Nội xử phạt Trần Trung T 09 tháng tù về tội « *Trộm cắp tài sản* ». **Buộc bị cáo phải bồi thường 700.000đ cho anh Nguyễn Văn Tiến và Bản án số 95/2003/HSST ngày 12/6/2003 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố H Nội xử phạt Trần Trung T 40 tháng tù về tội « *Trộm cắp tài sản* ». Buộc bị cáo phải bồi thường 8.320.000đ cho chị Nguyễn Thị Hòa. Mặc dù bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, nhưng đối với phần bồi thường, qua xác minh của cơ quan điều tra cho thấy, người bị hại không có đơn yêu cầu nên không có căn cứ thi hành án, và kể từ khi bản án có hiệu lực đến lần phạm tội này,theo luật thi hành án dân sự đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án (quá 05 năm)đối với người bị hại trong vụ án nêu trên. Do đó theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, coi là đã xóa án tích đối với bị cáo Tuyến. Mặc dù bị cáo đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rút kinh nghiệm cho bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi bán trái phép ma túy cho bị cáo H và hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy" nhằm để bán kiếm lời. Do đó cần phải xử phạt các bị cáo nghiêm khắc, tương ứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.**

Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự thì các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy trước khi phạm tội, bị cáo Tuyến làm nghề tự do, bị cáo H làm dịch vụ lái xe thuê nên không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng có giá trị nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp;

[3] Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu nhãn hiệu TOYOTA BKS 29A- 115.32 của ông Trần Ngọc Quang, sinh năm 1968; trú tại: khu 17, xã Đ, huyện TT (là bố của bị cáo Hà). Ông Quang đã ủy quyền cho bị cáo H để sử dụng. Ông Quang không biết việc H sử dụng xe để mua bán trái phép chất ma túy, nên cơ quan điều tra công an huyện TT đã quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe ô tô trên cho ông Trần Ngọc Quang; Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5 màu đen gắn thẻ sim có số thuê bao 033009669 tạm giữ của Phạm Thị H1. Mặc dù H1 sử dụng chiếc điện thoại trên để liên lạc mua ma túy của H về để sử dụng tuy nhiên hành vi của H1 trong vụ án chỉ là vi phạm hành chính nên cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại trên cho Huyền. Việc trả lại chiếc xe cho ông Quang và trả lại điện thoại cho chị H1 là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4]Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện TT đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp những đồ vật không liên quan đến tội phạm, những vật chứng còn lại được xử lý như sau:

- Đối với số tiền 5.000.000đ. (năm triệu đồng) đây là tiền tạm giữ của bị cáo Hà, trong đó 1.450.000đ là tiền bị cáo hưởng lợi từ việc bán ma túy cho H1 ngày 09/10/2019, còn lại 3.550.000đ là tiền riêng của bị cáo. Tuy nhiên, về số tiền bán ma túy H thu được từ việc bán ma túy cho H1 ngày 08/10/2019 là 4.100.000đ, do vậy H phải chịu trách nhiệm về số tiền trên, cần truy thu 4.100.000đ của H là phù hợp. Tổng số tiền H hưởng lợi từ 02 lần bán ma túy là 5.550.000đ (tạm giữ 5.000.000đ) cần truy thu 550.000đ của H để sung công quỹ.

- Đối với 754.000đ là tiền của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tội cần được trả cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Về số tiền 3.750.000đ T có được do bán ma túy cho Hà, T đã chi tiêu cá nhân hết cần truy thu để sung ngân sách nhà nước là phù hợp.

- Đối với: 01 ví giả da màu đen, bên trong có 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Mạnh H, 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn Mậu, 01 điện thoại di động G6 màu xám, đã qua sử dụng, gắn thẻ sim có số thuê bao 0383209116 của bị cáo H không liên quan đến tội phạm, cần trả lại cho bị cáo Hà;

- Đối với 01 ví giả da màu đen của bị cáo T, không liên quan đến tội phạm, cần trả lại cho bị cáo;

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 6500C màu đen, đã qua sử dụng, gắn thẻ sim có số thuê bao 0343508663 của bị cáo H sử dụng để liên lạc mua bán ma túy với Phạm Thị H1 và Trần Trung Tuyến; Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu ELARI màu đen, đã qua sử dụng bên trong gắn thẻ sim có số thuê bao 0788026058 của bị cáo T sử dụng để liên lạc mua bán ma túy trái phép với bị cáo Hà, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Đồng thời tịch thu, tiêu hủy các sim số gắn trong các điện thoại nêu trên.

- Đối với 02 bì niêm phong, theo kết luận giám định số 1219/KLGĐ ngày 13/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công án tỉnh P là mẫu vật còn lại sau giám định gồm:

*Bì số 01:*0,137 gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng và 0,217 gam dạng viên nén màu xanh (bì vật chứng thu giữ của Trần Mạnh H) cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định được niêm phong, dán kín trong bì giấy có đóng 05 hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh P và chữ ký của các thành phần liên quan tại các vị trí mép dán; *Bì số 02:* 1,629 gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng và 1,584 gam dạng viên nén màu xanh (bì vật chứng thu giữ khi khám xét nhà ở của Trần Trung Tuyến) cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định được niêm phong, dán kín trong bì giấy có đóng 05 hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh P và chữ ký của các thành phần liên quan tại các vị trí mép dán, là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu huỷ là phù hợp;

[5] Đối với việc bị cáo T khai đã mua ma túy của người một người đàn ông, nhưng bị cáo không biết tên tuổi hoặc địa chỉ của người này nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét, xử lý, xét thấy phù hợp;

Đối với chị Nguyễn Mai Phương, sinh năm 1984, trú tại: khu 1, xã Đ1, huyện TT (vợ của Trần Trung Tuyến). Việc T tàng trữ ma túy tại nhà nhằm mục đích để bán, chị Phương không biết nên không xem xét xử lý, xét thấy phù hợp;

Đối với Phạm Thị H1, là người sử dụng ma túy. Ngày 08/10/2019, H1 đã mua ma túy của bị cáo Hà, số ma túy này H1 đã sử dụng hết cho bản thân. Đến 09/10/2019, H1 tiếp tục mua ma túy của bị cáo H để sử dụng, tuy nhiên khi bị cáo H chưa giao ma túy cho H1 thì bị bắt quả tang do vậy không đủ cơ sở để xử lý H1 về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Hành vi sử dụng ma túy vào ngày 08/101/2019 của H1, Công an huyện TT đã Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H1 là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự an toàn xã hội.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tại phiên toà là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm b Khoản 2 Điều 251, điểm s, r khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Mạnh H;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 251, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Trung Tuyến;

Tuyên bố các bị cáo Trần Mạnh H và Trần Trung T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý"

Xử phạt bị cáo Trần Mạnh H 05 (năm) năm tù, Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 09/10/2019;

Xử phạt bị cáo Trần Trung T 15 (mười lăm) tháng tù, được khấu trừ 08 (Tám) ngày tạm giữ (Từ ngày 09/10/2019 đến ngày 17/10/2019). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung:

- Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Trần Mạnh H và Trần Trung Tuyến;

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, sung ngân sách nhà nước số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) của bị cáo Hà;

- Trả lại cho bị cáo T số tiền 754.000đ (Bảy trăm năm mươi tư nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Trả lại cho bị cáo Trần Mạnh H**:** 01 ví giả da màu đen, bên trong có 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Mạnh H, 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn Mậu, 01 điện thoại di động G6 màu xám, đã qua sử dụng, gắn thẻ sim có số thuê bao 0383209116 của bị cáo H và bị cáo T: 01 ví giả da màu đen;

-Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 6500C màu đen, đã qua sử dụng, gắn thẻ sim có số thuê bao 0343508663 của bị cáo Hà; 01 điện thoại di động nhãn hiệu ELARI màu đen, đã qua sử dụng bên trong gắn thẻ sim có số thuê bao 0788026058 của bị cáo T. Đồng thời tịch thu tiêu hủy các sim số 0343508663 và 0788026058 gắn trong 02 chiếc điện thoại nêu trên.

- Tịch thu tiêu hủy mẫu mật còn lại sau giám định, bên trong 02 bì niêm phong, được đánh số 01, 02 theo kết luận giám định số 1219/KLGĐ ngày 13/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công án tỉnh P gồm:

Bì số 01: 0,137 gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng và 0,217 gam dạng viên nén màu xanh (bì vật chứng thu giữ của Trần Mạnh H) được niêm phong, dán kín trong bì giấy có đóng 05 hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh P và chữ ký của các thành phần liên quan tại các vị trí mép dán;

Bì số 02: 1,629 gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng và 1,584 gam dạng viên nén màu xanh của Trần Trung T, được niêm phong, dán kín trong bì giấy có đóng 05 hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh P và chữ ký của các thành phần liên quan tại các vị trí mép dán;

(Các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh P đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/3/2020).

- Truy thu của bị cáo Trần Mạnh H 550.000đ (năm trăm năm mươi nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước

- Truy thu của bị cáo T số tiền 3.750.000đ(Ba triệu bảy trăm năm mười nghìn đồng) để sung ngân sách nhà nước.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Trung T và bị cáo Trần Mạnh H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo Bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc

ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- VKSND.H.TT,
- VKSND tỉnh P;
- CA huyện TT;
- CQ THAHS;
- UBND xã Đ;
- UBND xã Đ1;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp P;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng